

Số: 9574/NHNN-KTTC
V/v Chế độ Báo cáo tài chính
đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2007

Kính gửi: - Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố
- Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở

Căn cứ Thông tư số 62/2006/TT-BTC ngày 29/6/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Chế độ tài chính đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (QTDCS) lập, trình bày và nộp Báo cáo tài chính và Bảng cân đối tài khoản kế toán của đơn vị mình theo các quy định như sau:

I- QUY ĐỊNH VỀ LẬP, TRÌNH BÀY VÀ NỘP BÁO CÁO:

1. Mục đích của Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của một QTDCS, đáp ứng yêu cầu quản lý của lãnh đạo QTDCS, cơ quan quản lý nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một QTDCS về:

- a/ Tài sản;
- b/ Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu;
- c/ Doanh thu, thu nhập khác, chi phí kinh doanh và chi phí khác;
- d/ Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh;
- đ/ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước;
- e/ Tài sản khác có liên quan đến đơn vị kế toán.

2. Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính:

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ sáu (06) nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21- Trình bày báo cáo tài chính: (i) hoạt động liên tục, (ii) cơ sở dồn tích, (iii) nhất quán, (iv) trọng yếu và tập hợp, (v) bù trừ, (vi) có thể so sánh và các yêu cầu quy định bổ sung tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 22- Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự. QTDCS cũng phải thực hiện các nội dung quy định cụ thể tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác có liên quan.

3. Hệ thống Báo cáo đối với QTDCS:

Hệ thống Báo cáo đối với các QTDCS gồm Báo cáo tài chính và Bảng cân đối tài khoản kế toán.

3.1. Báo cáo tài chính:

a) Báo cáo tài chính năm, gồm:

- Bảng cân đối kế toán: *Mẫu số B02/QTDCS*
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện thu nộp Ngân sách nhà nước: *Mẫu số B03/QTDCS*

b) Báo cáo tài chính giữa niên độ, gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ: *Mẫu số B02a/QTDCS*
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện thu nộp Ngân sách nhà nước giữa niên độ: *Mẫu số B03a/QTDCS*

3.2. Bảng cân đối tài khoản kế toán: *Mẫu số A01/QTDCS*

4. Kỳ lập Báo cáo tài chính:

4.1. Kỳ lập Báo cáo tài chính năm:

QTDCS phải lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch (*bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12*). Trường hợp đặc biệt, QTDCS được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể dài hoặc ngắn hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng; đồng thời QTDCS phải nêu rõ lý do thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.2. Kỳ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Kỳ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là mỗi quý của năm tài chính (*không bao gồm Quý IV*).

4.3. Kỳ lập Báo cáo tài chính khác:

a) Các QTDCS có thể lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác theo yêu cầu của pháp luật.

b) Các QTDCS bị chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể phải lập Báo cáo tài chính tại thời điểm chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể.

5. Thời hạn nộp Báo cáo tài chính:

5.1. Báo cáo tài chính năm:

Thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính của QTDCS.

5.2. Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Thời hạn nộp báo cáo tài chính giữa niên độ chậm nhất là ngày 30 tháng đầu của quý kế tiếp.

Nếu ngày cuối cùng của thời hạn gửi Báo cáo tài chính là ngày lễ, ngày Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần thì ngày nộp Báo cáo tài chính chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.

6. Thời hạn nộp Bảng cân đối tài khoản kế toán:

Bảng cân đối tài khoản kế toán là báo cáo kế toán phản ánh chi tiết tình hình tài chính và hoạt động của QTDCS. Định kỳ hàng tháng, các QTDCS phải lập và gửi Bảng cân đối tài khoản kế toán về Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*gọi tắt là Chi nhánh*) nơi QTDCS đóng trụ sở, chậm nhất vào ngày 05 tháng kế tiếp.

7. Quy trình nộp Báo cáo tài chính và Bảng cân đối tài khoản kế toán:

Các QTDCS nộp Báo cáo bằng văn bản và truyền qua mạng máy tính (file) về Chi nhánh nơi đóng trụ sở. Chi nhánh kiểm tra tính chính xác về mặt số học của các báo cáo (bảng văn bản, file), khi phát hiện sai sót phải thông báo kịp thời cho đơn vị gửi báo cáo để chỉnh sửa, gửi lại và xử lý truyền tiếp về Ngân hàng Nhà nước (*Cục Công nghệ tin học Ngân hàng*) theo quy định.

Đối với QTDCS chưa đủ điều kiện để nối mạng truyền tin với Ngân hàng Nhà nước thì gửi file theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về Chi nhánh nơi đóng trụ sở. Chi nhánh có trách nhiệm cập nhật báo cáo của từng QTDCS vào máy tính và truyền file báo cáo về Cục Công nghệ tin học Ngân hàng.

8. Nơi nhận Báo cáo:

Loại Báo cáo	Kỳ lập Báo cáo	Nơi nhận Báo cáo	
		NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố	Sở Tài chính
Bảng cân đối tài khoản kế toán	Tháng	✓	
Báo cáo tài chính	Quý, Năm	✓	✓

9. Trách nhiệm của QTDCS:

9.1. Giám đốc QTDCS chịu trách nhiệm tổ chức lập và trình bày báo cáo tài chính đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của các thông tin trên báo cáo tài chính đơn vị mình.

9.2. QTDCS có trách nhiệm:

- Lập và gửi đầy đủ, kịp thời Báo cáo tài chính và Bảng cân đối tài khoản kế toán theo đúng quy định tại Công văn này.

- Đối với Báo cáo tài chính và Bảng cân đối tài khoản kế toán dưới hình thức bằng văn bản phải có đủ chữ ký, đóng dấu của đơn vị theo đúng quy định.

- Đối với Báo cáo tài chính và Bảng cân đối tài khoản kế toán bằng file trên vật mang tin hoặc truyền qua mạng máy tính được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về truyền, nhận thông tin, báo cáo điện tử.

- Khi nhận được tra soát Báo cáo tài chính và Bảng cân đối tài khoản kế toán có sai sót của đơn vị nhận báo cáo, QTDCS phải rà soát, kiểm tra lại và nếu có sai sót thì phải điều chỉnh lại ngay bằng cách hủy bỏ báo cáo có sai sót và lập báo cáo đúng để gửi lại cho đơn vị nhận báo cáo, kèm theo trả lời tra soát có ghi **“Đã điều chỉnh sai sót”**; Trường hợp QTDCS tự phát hiện báo cáo của mình có sai sót, QTDCS phải chủ động điều chỉnh và gửi lại cho đơn vị nhận báo cáo kèm theo giải trình sai sót cần điều chỉnh.

10. Công khai báo cáo tài chính:

Chậm nhất là 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, các QTDCS phải thực hiện công khai Báo cáo tài chính tại nơi đặt trụ sở chính và tại Đại hội thành viên.

11. Lưu trữ Báo cáo tài chính và Bảng cân đối tài khoản kế toán:

Báo cáo tài chính và Bảng cân đối tài khoản kế toán phải được lưu trữ, bảo quản theo Chế độ lưu trữ tài liệu kế toán hiện hành.

II- TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Công văn này có hiệu lực từ ngày **01/10/2007**.

2. Gia hạn hiệu lực đối với:

2.1. Thời gian áp dụng các Báo cáo điện tử sẽ được Ngân hàng Nhà nước (*Cục Công nghệ tin học Ngân hàng*) tiếp tục hướng dẫn.

2.2. Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của các QTDCS được thực hiện từ Quý II/2008.

3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc QTDCS chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện theo nội dung hướng dẫn tại Công văn này./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi ;
- (NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố
chỉ đạo các QTDND cơ sở trên địa bàn);
- PTĐ Đặng Thanh Bình | (*để báo cáo*);
- PTĐ Trần Minh Tuấn
- Vụ Các TCTD hợp tác
- Thanh tra NHNN | (*để phối hợp*
- Quỹ TDND Trung ương | *thực hiện*);
- Hiệp hội Quỹ TDND VN
- Lưu VP, KTTC2.

**TL/ THỐNG ĐỐC
KT/ VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG**

(*đã ký*)

Nguyễn Thị Thanh Hương

PHỤ LỤC
HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO CỦA QTDCS

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

STT	Tên Báo cáo	Mã số
Báo cáo tài chính năm:		
1	Bảng cân đối kế toán	B02/QTDCS
2	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện thu nộp Ngân sách nhà nước	B03/QTDCS
Báo cáo tài chính giữa niên độ:		
1	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	B02a/QTDCS
2	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện thu nộp Ngân sách nhà nước giữa niên độ	B03a/QTDCS

B. BÁO CÁO KẾ TOÁN:

STT	Tên Báo cáo	Mã số
1	Bảng cân đối tài khoản kế toán	A01/QTDCS

QTDCS:
Địa chỉ:

Mẫu số: A01/QTDCS
(Ban hành theo CV số 9574/NHNN-KTTC ngày 31/8/2007 của NHNN)

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

Tháng năm

A- CÁC TÀI KHOẢN TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: Đồng Việt Nam (VND)

Tên tài khoản	Số hiệu tài khoản	Số dư đầu kỳ		Doanh số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
....							
Tổng cộng							

B- CÁC TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: Đồng Việt Nam (VND)

Tên tài khoản	Số hiệu tài khoản	Số dư đầu kỳ	Doanh số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
			Nợ (Nhập)	Có (Xuất)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
....					
Tổng cộng					

....., ngày ... tháng ... năm

Lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Để đáp ứng yêu cầu quản lý, Bảng cân đối tài khoản kế toán QTDCS lập và gửi về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố là Bảng cân đối tài khoản kế toán được lập đến tài khoản cấp V.

2. Yêu cầu của phần các tài khoản nội bảng là :

- | | |
|---------------------------------|---------------------------------|
| + Tổng dư Nợ đầu kỳ | = Tổng dư Có đầu kỳ |
| + Tổng số phát sinh Nợ trong kỳ | = Tổng số phát sinh Có trong kỳ |
| + Tổng dư Nợ cuối kỳ | = Tổng dư Có cuối kỳ |

3. Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng 12/ tháng cuối cùng của năm tài chính, các QTDCS lập và gửi về NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố là Bảng cân đối tài khoản kế toán khi chưa kết chuyển thu nhập, chi phí vào tài khoản lợi nhuận chưa phân phối nhưng sau khi đã xử lý số dư tài khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản theo chế độ hiện hành.

QTDCS:
 Địa chỉ:

Mẫu số: B02/QTDCS
 (Ban hành theo CV số 9574/NHNN-KTTC ngày 31/8/2007 của NHNN)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày ... tháng ... năm

Đơn vị: Đồng Việt Nam (VND)

S T T	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Cách lấy số liệu từ BCĐTKKT
	(1)	(2)	(3)	(4)
A	Tài sản			
I	Tiền mặt			DN 101, 103
II	Tiền gửi tại NHNN			DN 111
III	Tiền gửi tại các TCTD khác			DN 131
IV	Cho vay khách hàng			
1	Cho vay khách hàng			DN các tài khoản 211→ 213; 221, 251, 253; 281, 282; 291→ 293
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (*)	(xxx)	(xxx)	DC 219, 229, 259, 289, 299
V	Chứng khoán đầu tư			
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán			Chênh lệch (DN-DC) TK 121→ 123; 151→ 153
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn			Chênh lệch (DN-DC) TK 161→ 163
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (*)	(xxx)	(xxx)	DC 129, 159, 169
VI	Góp vốn, đầu tư dài hạn			
1	Đầu tư dài hạn khác			DN 344
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	(xxx)	(xxx)	DC 349
VII	Tài sản cố định			
1	Tài sản cố định hữu hình			
a	Nguyên giá TSCĐ			DN 301
b	Hao mòn TSCĐ (*)	(xxx)	(xxx)	DC 3051
2	Tài sản cố định thuê tài chính			
a	Nguyên giá TSCĐ			DN 303
b	Hao mòn TSCĐ (*)	(xxx)	(xxx)	DC 3053
3	Tài sản cố định vô hình			
a	Nguyên giá TSCĐ			DN 302
b	Hao mòn TSCĐ (*)	(xxx)	(xxx)	DC 3052
VIII	Tài sản Có khác			
1	Các khoản phải thu			DN 32, 35 (trừ TK 3535), 36, 453 (Nếu DN)
2	Các khoản lãi, phí phải thu			DN 391→ 397
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại ⁽¹⁾			DN 3535
4	Tài sản Có khác			Chênh lệch DN trừ (-) DC 31; DN 38; Chênh lệch DN 50, 51 (Nếu DN>DC)
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (*)	(xxx)	(xxx)	DC 4892, 4899 (nếu nội dung kinh tế phù hợp)
Tổng tài sản Có				

S T T	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Cách lấy số liệu từ BCĐTKKT
	(1)	(2)	(3)	(4)
B	Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN			DC 403
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác			
1	Tiền gửi của các TCTD khác			DC 411
2	Vay các TCTD khác			DC 415; 419
III	Tiền gửi của khách hàng			DC 42
IV	Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay QTDCS chịu rủi ro			DC 44
V	Các khoản nợ khác			
1	Các khoản lãi, phí phải trả			DC 491 → 497
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả ⁽²⁾			DC 4535
3	Các khoản phải trả và công nợ khác			DC 45 (trừ TK 4535), 46, DC 481 → 485, 488 Chênh lệch DC 50, 51 (Nếu DC > DN)
4	Dự phòng rủi ro khác			DC 4891, 4899 (nếu nội dung kinh tế phù hợp)
Tổng nợ phải trả				
VI	Vốn và các quỹ			
1	Vốn của TCTD			
a	Vốn điều lệ			DC 601
b	Vốn đầu tư XD CB, mua sắm TSCĐ			DC 602
c	Vốn khác			DN 609
2	Quỹ của TCTD			DC 61, 62
3	Chênh lệch đánh giá lại tài sản			DC 64 (nếu DN ghi bằng số âm)
4	Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế ⁽³⁾			DC 69 (nếu DN ghi bằng số âm)
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				

....., ngày ... tháng ... năm

Lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- ^{(1),(2)}: Đối với chỉ tiêu “Tài sản thuế TNDN hoãn lại” và chỉ tiêu “Thuế TNDN hoãn lại phải trả”: Hiện nay NHNN chưa hướng dẫn hạch toán thuế TNDN hoãn lại, vì vậy QTDCS tạm thời chưa sử dụng hai chỉ tiêu này. Lưu ý: Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự chỉ tiêu.

- ⁽³⁾: QTDCS lập Bảng cân đối kế toán dựa trên số liệu từ Bảng cân đối tài khoản kế toán hoàn chỉnh của tháng 12/ tháng cuối cùng của năm tài chính. Bảng cân đối tài khoản kế toán hoàn chỉnh là Bảng cân đối tài khoản kế toán đã bao gồm nghiệp vụ xử lý số dư tài khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản và đã kết chuyển thu nhập, chi phí vào tài khoản lợi nhuận chưa phân phối.

- Các chỉ tiêu có đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (xxx).

- Số liệu để lập Cột 2- “Năm nay” là số liệu được lấy từ Bảng cân đối tài khoản kế toán hoàn chỉnh của tháng 12 của năm tài chính hiện hành. Số liệu để lập Cột 3- “Năm trước” là số liệu được lấy từ Bảng cân đối tài khoản kế toán hoàn chỉnh của tháng 12 của năm tài chính trước liền kề.

- Cột 4 là cột hướng dẫn lấy số liệu để lập BCTC, các QTDCS không đưa các nội dung này khi lập và trình bày BCTC.

QTDCS:

Địa chỉ:

Mẫu số: B03/QTDCS

(Ban hành theo CV số 9574/NHNN-KTTC ngày 31/8/2007 của NHNN)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH,
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày ... tháng ... năm

A- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: Đồng Việt Nam (VND)

S T T	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Cách lấy số liệu từ BCĐTKKT
				(1)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự			DC 701, 702, 703, 709
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự			DN 801, 802, 809
I	Thu nhập lãi thuần			1-2
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ			DC 71
4	Chi phí hoạt động dịch vụ			DN 81
II	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ			3-4
III	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư			Chênh lệch thu chi giữa số dư TK 741 và TK 841 trừ tăng (giảm) dự phòng giảm giá chứng khoán tương ứng trong kỳ
5	Thu nhập từ hoạt động khác			DC 749, 79 (không bao gồm phần hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán hạch toán vào thu nhập khác)
6	Chi phí hoạt động khác			DN 849, 89
IV	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác			5-6
V	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần			DC 78
VI	Chi phí hoạt động			DN 831, 832, 85, 86, 87, 883, 8824, 8825, 8826, 8829
VII	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro tín dụng			I+II+III+IV+V-VI
VIII	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng			DN 8822
IX	Tổng lợi nhuận trước thuế			VII-VIII
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành			DN 8331
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại ⁽¹⁾			Số dư TK 8332 (nếu DC ghi bằng số âm)
X	Chi phí thuế TNDN			7+ 8
XI	Lợi nhuận sau thuế			IX-X

B- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Đồng Việt Nam (VND)

S T T	Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
			Số phải nộp	Số đã nộp	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Thuế				
1	Thuế GTGT				
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt				
3	Thuế xuất, nhập khẩu				
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
5	Thuế tài nguyên				
6	Thuế nhà đất				
7	Tiền thuê đất				
8	Các loại thuế khác				
II	Các khoản phải nộp khác				
1	Các khoản phụ thu				
2	Các khoản phí, lệ phí				
3	Các khoản phải nộp khác				
	Tổng cộng				

....., ngày ... tháng ... năm

Lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Chỉ tiêu “Chi phí thuế TNDN hoãn lại”: Hiện nay NHNN chưa hướng dẫn hạch toán thuế TNDN hoãn lại, vì vậy QTDCS tạm thời chưa sử dụng chỉ tiêu này.

Lưu ý: Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự chỉ tiêu.

- Cách lấy số liệu để lập Phần A- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (số dư Có/ Nợ các tài khoản thu nhập/ chi phí) là số dư của các tài khoản trên Bảng cân đối tài khoản kế toán sau khi đã xử lý chênh lệch đánh giá lại tài sản vào các tài khoản thu nhập, chi phí nhưng chưa kết chuyển thu nhập, chi phí vào tài khoản lợi nhuận chưa phân phối.

QTDCS:

Địa chỉ:

Mẫu số: B02a/QTDCS

(Ban hành theo CV số 9574/NHNN-KTTC ngày 31/8/2007 của NHNN)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý ... năm ...

Tại ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: Đồng Việt Nam (VND)

STT	Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
	(1)	(2)	(3)
A	Tài sản		
I	Tiền mặt		
	... (*)		
VI	Vốn và các quỹ		
	... (*)		
5	Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế		
a	Lợi nhuận/ Lỗ năm nay	Chênh lệch TK loại 7 trừ (-) TK loại 8 (Nếu chênh lệch âm thì ghi bằng số âm)	
b	Lợi nhuận/ Lỗ lũy kế năm trước	Dư Có TK 69 (Nếu Dư Nợ thì ghi bằng số âm)	
	... (*)		

....., ngày ... tháng ... năm

Lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (*) Nội dung các chỉ tiêu trên Báo cáo này tương tự như các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán năm-Mẫu số B02/QTDCS.

- Số liệu để lập Cột 2- "Số cuối quý" là số liệu cuối quý báo cáo của năm tài chính hiện hành. Số liệu để lập Cột 3- "Số đầu năm" là số liệu đầu năm tài chính hiện hành.

QTDCS:

Địa chỉ:

Mẫu số: B03a/QTDCS

(Ban hành theo CV số 9574/NHNN-KTTC ngày 31/8/2007 của NHNN)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
THU NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý ... năm ...
Tại ngày ... tháng ... năm ...

A- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: Đồng Việt Nam (VND)

STT	Chỉ tiêu	Quý ...		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)
I	Thu nhập lãi thuần				
	... (*)				

B- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Đồng Việt Nam (VND)

S T T	Chỉ tiêu	Quý ...		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)
I	Thuế				
	... (*)				

....., ngày ... tháng ... năm

Lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (*) Nội dung các chỉ tiêu trên Báo cáo này tương tự như các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện thu nộp ngân sách Nhà nước năm- Mẫu số B03/QTDCS.

- Tại Phần A- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Số liệu để lập Cột (2) là số liệu cuối quý báo cáo của năm tài chính hiện hành; Số liệu để lập Cột (3) là số liệu cuối quý báo cáo tương ứng thuộc năm tài chính trước liền kề; Số liệu để lập Cột (4) là số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý báo cáo của năm tài chính hiện hành; Số liệu để lập Cột (5) là số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý báo cáo của năm tài chính trước liền kề.